

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2025/HC-ST

Ngày 04-9-2025

*“V/v khiếu kiện Hủy giấy chứng
nhận quyền sử dụng đất”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Chương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Xuân Vãn và ông Nguyễn Xuân Trung

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thủy - Thư ký viên Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:

Ông Dương Phúc Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng – Cơ sở 2 (Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông cũ) xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 03/2025/TLST-HC ngày 06 tháng 01 năm 2025 về việc “*Khiếu kiện hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 143/2025/QĐXXST-HC ngày 18-8-2025, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị H; địa chỉ: Thôn 06, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (nay là xã Đ, tỉnh Lâm Đồng) - Có mặt.

2. Người bị kiện: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Nông (*Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng*: Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lâm Đồng; địa chỉ: Đường T, phường 4, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng (nay là phường X, tỉnh Lâm Đồng) - Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Đinh Công Đ và bà Trần Thị H1; Cùng địa chỉ: Thôn 06, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (nay là xã Đ, tỉnh Lâm Đồng) - Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3.2. Ông Lý Trọng Th; địa chỉ: Thôn 06, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (nay là xã Đ, tỉnh Lâm Đồng) - Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3.3. Ông Phạm Xuân T và bà Trần Thị Xuân Tr; Cùng địa chỉ: Thôn 06, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (nay là xã Đ, tỉnh Lâm Đồng) - Ông T có mặt, bà Tr có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3.4. Ông Nguyễn Chính Ch và bà Nguyễn Thị Hà Gi; Cùng địa chỉ: Thôn 06, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (nay là xã Đ, tỉnh Lâm Đồng) - Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3.5. Ủy ban nhân dân huyện Đ (*Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng*: Ủy ban nhân dân xã Đ; địa chỉ: xã Đ, tỉnh Lâm Đồng) – Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. *Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện bà Nguyễn Thị H trình bày:*

Bà H có một diện tích đất tọa lạc tại Thôn 6, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (nay là xã Đ, tỉnh Lâm Đồng). Nguồn gốc do nhận chuyển nhượng của ông Phạm Xuân T vào năm 2013, thửa đất này được ông T nhận chuyển nhượng của ông Lê Văn V (là em vợ của ông Lý Trọng Th) vào năm 2003. Việc chuyển nhượng đất đã hoàn tất và có lập giấy mua bán (chuyển nhượng) viết tay. Từ khi nhận chuyển nhượng đến nay bà H sử dụng ổn định, ranh giới rõ ràng, không xảy ra tranh chấp gì với ai. Năm 2015, bà H được Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV) xây dựng cho một căn nhà tình thương. Do hoàn cảnh khó khăn nên bà H chưa có điều kiện đi làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến khoảng tháng 8/2024, bà H mới biết được một phần diện tích đất của bà H nằm trong một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng anh Đinh Công Đ và chị Trần Thị H1, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Nông cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 872844, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS 05986 thuộc thửa đất số 68, tờ bản đồ số 08, diện tích 1.610m² tọa lạc tại Thôn 6, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (nay là xã Đ, tỉnh Lâm Đồng). Theo kết quả đo đạc diện tích đất của bà H nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho vợ chồng ông Đ là 297,1m². Quá trình giải quyết vụ án, vợ chồng ông Đ cũng thừa nhận diện tích đất của vợ chồng ông Đ không giáp ranh với diện tích đất của bà H, các bên không có tranh chấp gì. Ông Lý Trọng Th cũng xác định diện tích đất bà H đang sử dụng đúng mốc ranh rõ ràng, không tranh chấp gì với ai. Việc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Nông cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng anh Đ nhưng không đo đạc, kiểm tra thực địa là chưa đảm bảo, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà H. Do đó, bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 872844, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS 05986 thuộc thửa đất số 68, tờ bản đồ số 08, diện tích 1.610m² tọa lạc tại Thôn 6, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (nay là xã Đ, tỉnh Lâm Đồng) do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Nông cấp ngày 04-10-2016 cho anh Đinh Công Đ và chị Trần Thị H1.

2. *Đại diện theo ủy quyền của người bị kiện trình bày:*

Ngày 19-9-2016, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai Đ tiếp nhận hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Chính Ch và bà Nguyễn Thị Hà Gi cho ông Đinh Công Đ, bà Trần Thị H1. Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai Đ lập hồ sơ và chuyển đến Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đắk Nông để thẩm tra hồ sơ và trình Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Nông (cũ) ký cấp giấy chứng nhận số CD 872844 tại thửa đất số 68, tờ bản đồ 8, diện tích 1.610,0m², địa chỉ thửa đất tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông cho ông Đinh Công Đ. Trình tự thực hiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đinh Công Đ, bà Trần Thị H1 là đúng quy định, do đó đề nghị Tòa án xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

3. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

3.1. Ông Đinh Công Đ và bà Trần Thị H1 trình bày: Năm 2016, ông Đ, bà H1 nhận chuyển nhượng thửa đất số 68, tờ bản đồ số 8 của ông Ch, bà Gi. Ông Ch, bà Gi có chỉ ranh giới nhưng không đo đạc cụ thể. Quá trình sử dụng đất không xảy ra tranh chấp với ai, đến năm 2024 mới biết diện tích đất thực tế gia đình ông T1, bà H đang sử dụng nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Đ, bà H1 vào năm 2016. Giữa gia đình ông Đ, ông T1, bà H không xảy ra tranh chấp đất, gia đình ông T1 đã xây nhà kiên cố ngăn cách với đất của gia đình ông Đ và đất của gia đình ông Đ cũng không giáp ranh với đất của bà H. Ông Đ, bà H1 đồng ý cho ông T1, bà H tách phần diện tích đất đang sử dụng ra khỏi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Đ, bà H1 nhưng phải tự đi tách và chịu mọi chi phí theo quy định.

3.2. Ông Lý Trọng Th trình bày: Năm 1994 ông Th nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Hữu V diện tích đất khoảng 3.000m² và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 441 và 68 năm 2002. Trong diện tích đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên, khoảng năm 1997 ông Th cho em vợ tên V1 một phần diện tích đất phía giáp suối (hình tam giác, không rõ diện tích là bao nhiêu), sau đó ông V1 về bắc sinh sống nên không rõ ông V1 chuyển nhượng diện tích đất trên cho ai và hiện ông V1 đang làm gì, ở đâu. Đối với diện tích đất còn lại, ông Th chuyển nhượng cho ông Nguyễn Thành T1 một phần diện tích đất giáp với diện tích đất đã cho ông V1 có kích thước chiều ngang 05m, chiều dài đến suối. Năm 2007, ông Th chuyển nhượng cho ông Nguyễn Chính Ch thửa đất số 441, có kích thước chiều ngang khoảng 11m, chiều sâu khoảng 50m. Do thiếu hiểu biết nên khi nhờ người đi làm thủ tục tách thửa cho ông Ch, bà Gi thì bị làm nhầm thành đăng ký biến động sang tên trang 4. Khi hỏi bìa để tách thì ông Ch, bà Gi lại đang thế chấp ngân hàng nên không tách được. Đối với diện tích đất còn lại giáp với diện tích đất của ông T1 thì ông Th chuyển nhượng cho ông D (không rõ họ tên). Sau này ông Ch, ông D chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ai thì ông Th không rõ, chỉ biết ranh giới đất giữa nhà ông Th với nhà ông T1, bà H rõ ràng, ổn định, không có tranh chấp gì, vị trí diện tích đất bà H đang sử dụng là phần diện tích đất trước đây ông Th cho ông V1. Do đó, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

3.3. Ông Nguyễn Chính Ch và bà Nguyễn Thị Hà Gi trình bày: Năm 2006, ông Ch, bà Gi nhận chuyển nhượng thửa đất số 441 của ông Lý Trọng Th có kích thước chiều ngang 11m, chiều sâu 59m, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2002 nhưng khi làm thủ tục đăng ký biến động vào năm 2007 thì ông Th lại đăng ký biến động trang 4 của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2016, ông Đ nói đã chuyển nhượng và nhờ ông Ch, bà Gi tách thửa sang tên quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 68, tờ bản đồ số 8 và ký hợp đồng chuyển nhượng để hợp thức hóa thủ tục chứ thực tế không hề có việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa các bên. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

3.4. Ông Phạm Xuân T và bà Trần Thị Xuân Tr trình bày: Ông T xác nhận năm 2003 có nhận chuyển nhượng thửa đất của ông Lê Văn V1 tọa lạc tại thôn 6, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Năm 2013, ông T chuyển nhượng diện tích

đất này cho bà H và bà H đã sử dụng đất ổn định từ đó đến nay, không tranh chấp gì với ai. Diện tích đất này không liên quan gì đến bà Trần Thị Xuân Tr. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu quan điểm:

1. Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng theo quy định của Luật Tố tụng hành chính.

2. Về nội dung:

2.1. Tại Biên bản hòa giải tranh chấp đất đai ngày 27-9-2024 (bút lục 08-09) của Ủy ban nhân dân (UBND) xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (nay là xã Đ, tỉnh Lâm Đồng); Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 26-4-2025 (bút lục 54-56) của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông (nay là tỉnh Lâm Đồng) thể hiện: Thừa đất bà Nguyễn Thị H sử dụng có ranh giới rõ ràng, không tranh chấp với hộ liền kề ông Đinh Công Đ, bà Trần Thị H1 (nguồn gốc nhận chuyển nhượng của ông Ch, bà Gi; ông Ch, bà Gi nhận chuyển nhượng của ông Lý Trọng Th. Trên đất bà H sử dụng có căn nhà xây cấp bốn (Nhà tình nghĩa do Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và Phát triển Việt Nam xây tặng).

2.2. Theo sơ đồ lồng ghép giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai Đ ngày 14-5-2025 (bút lục 79) ghi nhận: GCNQSDĐ số CD 872844 ngày 04-10-2016, thửa đất số 68, tờ bản đồ số 8, chồng lên diện tích 297,1 m² đất bà H sử dụng ổn định (ông Đ, bà H1 cũng thừa nhận có sự cấp chồng lấn này). Tuy nhiên ông Đ, bà H1 được cấp GCNQSD đất trên cơ sở hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính. Áp dụng khoản 2 và 3 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013, Nghị định 148/2020/NĐ-CP; Điều 152 Luật đất đai 2024: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H, Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số GCNQSDĐ số CD 872844 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Nông (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lâm Đồng) cấp ngày 04-10-2016 cho ông Đinh Công Đ, bà Trần Thị H1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về thời hiệu khởi kiện: Tháng 08/2024 bà H biết được diện tích đất đang sử dụng nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Đ, bà H1; tháng 09/2024, các bên được UBND xã Đ, huyện Đ cũ hòa giải nhưng không thành. Ngày 06-01-2025 bà H khởi kiện là còn thời hiệu theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính.

[1.2]. Về thẩm quyền: Vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông (nay là tỉnh Lâm Đồng) theo quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32 của Luật Tố tụng hành chính.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện xét thấy:

[2.1]. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Ngày 12-12-2002, ông Lý Trọng Th được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 388781 đối với thửa đất số 441 và thửa 68, tờ bản đồ số 08 (trong đó có một phần diện tích đất hình tam giác đã tặng cho ông Lê Văn V1 vào khoảng năm 1997). Giữa ông Th và ông Ch, bà Gi chỉ thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đối với thửa đất số 441, không nhận chuyển nhượng đối với thửa đất số 68 nhưng các bên không thực hiện thủ tục tách thửa mà tiến hành đăng ký biến động trang 4 đối với toàn bộ thửa 441 và 68 là không đúng với thực tế. Trước thời điểm ông Ch, bà Gi tách thửa và sang tên quyền sử dụng thửa đất số 68 cho ông Đ, bà H1 vào năm 2016 thì ông Th đã tặng cho một phần thửa đất cho ông V1, chuyển nhượng một phần cho ông T1 nên việc tách và chuyển nhượng nguyên thửa là không đúng hiện trạng.

[2.2]. Thời điểm chuyển nhượng giữa ông Lê Văn V1 và ông Phạm Xuân T (năm 2003), giữa ông Phạm Xuân T và bà Nguyễn Thị H (năm 2013) bằng giấy viết tay, không đúng về mặt hình thức, không được pháp luật đất đai thừa nhận. Tuy nhiên, các bên đã hoàn tất thủ tục chuyển nhượng, bà H đã liên tục quản lý, sử dụng đất ổn định trên thực tế, không có tranh chấp với ai và được Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam xây dựng 01 căn nhà tình nghĩa vào năm 2015. Tại thời điểm Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực (Điều 129), giao dịch chuyển nhượng giữa ông V1, ông T và bà H được pháp luật thừa nhận.

[2.3]. Tại biên bản xem xét, thẩm định tại ngày 26-4-2025 và kết quả đo đạc, lồng ghép thể hiện: trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Nông cấp cho ông Đ, bà H1 vào năm 2016 có 297,1m² đất thực tế bà H đang sử dụng và trên đất có 01 căn nhà cấp bốn bà H được hỗ trợ xây dựng vào năm 2015. Trên thửa đất số 68, ngoài gia đình ông Đ, còn có gia đình ông Nguyễn Thành T1 và bà Nguyễn Thị H sinh sống và các bên đều khẳng định đất sử dụng ổn định, có ranh giới rõ ràng, không có tranh chấp với ai. Bản thân ông Đ cũng đồng ý cho bà H tách bìa (giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) và mọi chi phí do bà H chịu. Tuy nhiên, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 10 Quy định hạn mức giao đất; hạn mức công nhận đất ở; hạn mức nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất nông nghiệp của cá nhân; điều kiện, diện tích đất tối thiểu của việc tách thửa đất, hợp thửa đất đối với từng loại đất trên địa bàn tỉnh Đắk Nông (ban hành kèm theo Quyết định số 28/2024/QĐ-UBND ngày 14-10-2024 của UBND tỉnh Đắk Nông): *“Đối với thửa đất nông nghiệp thì thửa đất mới hình thành và thửa đất còn lại sau khi tách thửa phải đảm bảo có diện tích tối thiểu ở khu vực nông thôn là 1.000m²”* nên không thể thực hiện.

[2.4]. Mặt khác, đối chiếu với quy định tại: Điều 95, 106 Luật đất đai năm 2013; Điều 133, Điều 152 Luật đất đai năm 2024; Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT, mặc dù, việc đo đạc lại hiện trạng khi làm thủ tục đăng ký biến động giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không bắt buộc nhưng việc tách và chuyển nhượng nguyên thửa mà không xem xét thực trạng là chưa đảm bảo, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của những người thực tế đang sử dụng đất trong đó có bà H, gây bức xúc cho người dân. Do đó, xét thấy cần hủy

GCNQSDĐ số CD 872844, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS 05986 thuộc thửa đất số 68, tờ bản đồ số 08, diện tích 1.610m² tọa lạc tại Thôn 6, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (nay là xã Đ, tỉnh Lâm Đồng) do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Nông cấp ngày 04-10-2016 cho ông Đ và bà H1 để cấp lại cho đúng hiện trạng thực tế các bên đang sử dụng.

[3] Từ các phân tích, nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 872844, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS 05986 thuộc thửa đất số 68, tờ bản đồ số 08, diện tích 1.610m² tọa lạc tại Thôn 6, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (nay là xã Đ, tỉnh Lâm Đồng) do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Nông (nay là Sở Nông nghiệp và môi trường tỉnh Lâm Đồng) cấp ngày 04-10-2016 cho ông Đình Công Đ và bà Trần Thị H1.

[4]. Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

[5]. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 3.655.000 đồng (*Ba triệu sáu trăm năm mươi lăm nghìn đồng*) đã được bà H nộp tạm ứng theo quy định.

[6]. Về án phí và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Do yêu cầu của bà Nguyễn Thị H được chấp nhận nên Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lâm Đồng phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và chi phí đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ theo quy định của pháp luật.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính; Điều 95, Điều 106 Luật Đất đai năm 2013; Điều 133, Điều 152 Luật Đất đai năm 2024:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H: Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 872844 thuộc thửa đất số 68, tờ bản đồ số 08 tọa lạc tại Thôn 6, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (nay là xã Đ, tỉnh Lâm Đồng) do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Nông (nay là Sở Nông nghiệp và môi trường tỉnh Lâm Đồng) cấp ngày 04-10-2016 cho ông Đình Công Đ và bà Trần Thị H1.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Căn cứ Điều 358 của Luật Tổ tụng hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lâm Đồng có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Thị H chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền 3.655.000 đồng (*Ba triệu sáu trăm năm mươi lăm nghìn đồng*).

3. Về án phí: Căn cứ Điều 348 của Luật Tổ tụng hành chính; khoản 2 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lâm Đồng phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hành chính sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- UBND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- THADS tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu: Tổ HCTP; HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Hồng Chương

